

## HAI THẬP KỶ BẢO VỆ VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Quốc Hùng\*

**Tóm tắt:** Kể từ khi Luật Di sản văn hóa ra đời đến nay đã tròn hai thập kỷ, sự ra đời của Luật Di sản văn hóa là dấu mốc quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ và phát huy di sản văn hóa phi vật thể ở nước ta. Lần đầu tiên di sản văn hóa phi vật thể đã được định danh và bảo vệ bằng một văn bản luật. Với dung lượng một chương trong Luật Di sản văn hóa, di sản văn hóa phi vật thể đã được đặt ngang tầm với di sản văn hóa vật thể (di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh...) là điều chưa từng có trong lịch sử nước ta. Từ đó đến nay hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể đã có nhiều chuyển biến tích cực, từ nhận thức đến kết quả thực tiễn, di sản được kiểm kê, được ghi vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, được ghi vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, hàng ngàn nghệ nhân được tặng danh hiệu cao quý, nhiều di sản đã được khôi phục. Tuy nhiên vẫn còn nhiều vấn đề còn phải giải quyết, tháo gỡ để di sản văn hóa phi vật thể nước ta được bảo vệ và phát huy hiệu quả hơn trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Di sản văn hóa phi vật thể, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, thực hành, truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể.

Việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể ở nước ta luôn được coi trọng, điều đó thể hiện trong các văn bản, nghị quyết của Đảng như Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 16/7/1998, của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII) về “Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc” và trong Luật Di sản văn hóa năm 2001, sửa đổi bổ sung năm 2009. Trước khi Công ước bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại ra đời năm 2003, Việt Nam đã tham khảo những quy định của UNESCO về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể và lập hồ sơ trình UNESCO đưa Nhã nhạc cung đình Huế và Không gian văn hóa công nghệ truyền thống Tây Nguyên vào Tuyên bố các Kiệt tác di sản văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại (sau khi Công ước 2003 có hiệu lực năm 2005, hai di sản này được chuyển vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại).

Sau khi UNESCO ban hành Công ước bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể, Việt Nam là một trong những nước đầu tiên phê chuẩn tham gia Công ước. Đến năm 2009 Việt Nam đã sửa đổi bổ sung Luật Di sản văn hóa, trong đó có những sửa đổi quy định về di sản văn hóa phi vật thể sát hợp hơn với định nghĩa của Công ước, cụ thể Công ước 2003 quy định "Di sản văn hóa phi vật thể" như định nghĩa ở Mục 1, ngoài các lĩnh vực khác, được thể hiện ở những hình thức sau: (a) các truyền thống và biểu đạt truyền khẩu, trong đó ngôn ngữ là phương tiện của di sản văn hóa phi vật thể; (b) nghệ thuật trình diễn; (c) tập quán xã hội, tín ngưỡng và các lễ hội; (d) tri thức và tập quán liên quan đến tự nhiên và vũ trụ; (e) nghề thủ công truyền thống". Tại điều 2 của Nghị định số 98/2010- NĐ/CP ngày 21/9/2010 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa qui định: 1. Di sản văn hóa phi vật thể bao gồm: a) Tiếng nói, chữ viết; b) Ngữ văn dân gian; c) Nghệ thuật

\* PGS.TS Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

trình diễn dân gian; d) Tập quán xã hội và tín ngưỡng; đ) Lễ hội truyền thống; e) Nghề thủ công truyền thống; g) Tri thức dân gian. Kèm theo đó nhiều văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể đã được ban hành như Thông tư 04/2010/TT-BVHTTDL30/06/2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định việc kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể và lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể để đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Mạng lưới tổ chức quản lý di sản văn hóa phi vật thể cũng được thành lập từ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đến Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Công tác lập hồ sơ trình UNESCO đưa vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại được thực hiện ngày càng có bài bản. Việc xét duyệt hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia được thực hiện thường xuyên. Công tác tổng kiểm kê di sản văn hóa trên phạm vi cả nước đã được tiến hành. Cho đến tháng 12-2021 đã có 64.178 di sản văn hóa phi vật thể được kiểm kê; 416 di sản được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia với 165 lễ hội truyền thống, 92 tập quán xã hội và tín ngưỡng, 85 nghệ thuật trình diễn dân gian, 47 nghề thủ công truyền thống, 20 tri thức dân gian, 5 tiếng nói, chữ viết. Trong số đó 197 di sản văn hóa có chủ thể là cộng đồng dân tộc thiểu số. 13 di sản được UNESCO ghi vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (1), và trong Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp (2), các con số này sẽ còn tăng theo thời gian.

Những người nắm giữ, thực hành, truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể trên phạm vi cả nước đã dần được quan tâm, ngoài những quy định của trung ương, một số địa phương đã có những chính sách đãi ngộ cụ thể đối với các nghệ nhân. Đến nay đã có 1.187 nghệ nhân được Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu cao

quý (66 nghệ nhân nhân dân, 1.121 nghệ nhân ưu tú), nhằm động viên, khích lệ các nghệ nhân và cộng đồng phát huy hơn nữa vai trò của mình trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể. Giáo dục về di sản văn hóa phi vật thể được đẩy mạnh cả trong các cơ sở đào tạo và trong cộng đồng, nội dung di sản văn hóa phi vật thể đã được giảng dạy trong một số trường đại học văn hóa và giáo dục phổ thông tại các địa phương có di sản văn hóa được ghi vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại và Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp của UNESCO. Nhiều công trình nghiên cứu, hội nghị hội thảo trong nước và quốc tế về di sản văn hóa phi vật thể đã được tổ chức thường xuyên. Việc bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của đồng bào các dân tộc thiểu số được quan tâm thông qua nhiều chương trình bảo vệ và phát triển văn hóa dân tộc thiểu số của Nhà nước. Ngoài những nỗ lực nêu trên chúng ta còn đề cử các chuyên gia tham gia Ủy ban liên chính phủ của Công ước 2003.

Có thể nói từ đầu thế kỷ XXI đến nay, nhờ có những nỗ lực không ngừng của nhà nước, cộng đồng và nghệ nhân nhiều di sản văn hóa phi vật thể tưởng như đã bị mai một được bảo vệ, khôi phục, nhiều di sản đã được phổ biến rộng rãi, lan tỏa giá trị đến mọi miền đất nước và quốc tế.

Bên cạnh các hoạt động bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể, việc phát huy giá trị cũng đã được chú trọng, các liên hoan, giao lưu, hội thi, hội diễn nghệ thuật dân gian truyền thống mở ra khắp nơi với nhiều quy mô, hình thức đa dạng từ làng xã, quận huyện, tỉnh, thành phố đến toàn quốc. Ngày nay di sản văn hóa phi vật thể không còn đóng khung trong khuôn khổ một cộng đồng, hoặc chỉ thực hành trong những không gian, thời gian truyền thống mà đã vươn xa hơn đến các cộng đồng, địa phương khác trong những thời điểm khác nhau, phục vụ nhiều đối tượng khác nhau. Sản

phẩm thủ công truyền thống không chỉ phục vụ trong nội bộ địa phương mà đã lan tỏa đến các vùng, miền của tổ quốc, phục vụ du lịch và xuất khẩu. Di sản văn hóa phi vật thể đã và đang góp phần quan trọng vào sự phát triển công nghiệp văn hóa, văn hóa sáng tạo của đất nước, tăng thêm thu nhập kinh tế cho các nghệ nhân, cộng đồng.

Di sản văn hóa phi vật thể nước ta đã và đang được khơi dậy để góp phần vào sự phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, thúc đẩy bình đẳng xã hội (bình đẳng giới, xã hội bao trùm), phát triển kinh tế (kinh tế bao trùm). Di sản văn hóa cũng góp phần vào sự đoàn kết, bảo vệ hòa bình và an ninh của đất nước như Chương trình 2030 về phát triển bền vững của Liên hiệp quốc đề ra.

Về phát triển xã hội bao trùm di sản văn hóa phi vật thể cung cấp những bài học, kiến thức truyền thống về an ninh lương thực, an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe cho mọi người, quản lý nguồn nước (tri thức dân gian về bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, về thiên nhiên, các bài thuốc dân gian, tập quán thờ cúng thiên nhiên). Di sản văn hóa phi vật thể cung cấp các tấm gương sống về nội dung và phương pháp giáo dục (trọng lão). Di sản văn hóa phi vật thể giúp tăng cường sự gắn kết xã hội và bao trùm thông qua các luật tục, tập quán xã hội (truyền thuyết Lạc Long Quân - Âu Cơ, tục ngữ, ca dao). Di sản văn hóa phi vật thể chứa đựng nội dung sáng tạo, truyền đạt vai trò và đặc điểm giới tính, có ý nghĩa về bình đẳng giới (tục thờ nữ thần, thờ Mẫu). Chúng ta hiểu rằng các giá trị quy tắc và luật lệ liên quan đến giới rất khác nhau giữa các xã hội, cộng đồng và nhóm, tất cả biểu đạt di sản văn hóa phi vật thể chuyển tải các kiến thức và quy tắc liên quan đến các vai trò và các quan hệ giữa và trong các nhóm giới tính của một cộng đồng. Di sản văn hóa phi vật thể cho phép nhận diện sự hình thành các vai trò và các đặc điểm giới tính đồng thời truyền đạt những tập quán xã hội về giới đó cho các thế hệ tương lai.

Về bền vững môi trường, di sản văn hóa phi vật thể có thể giúp bảo vệ đa dạng sinh học, đóng góp đối với sự bền vững môi trường (các luật tục về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên). Các kiến thức và thực hành của các nhóm, cộng đồng liên quan đến tự nhiên, có thể góp phần cho việc nghiên cứu sự bền vững môi trường. Các kiến thức và thực hành tích lũy được qua thời gian thường tạo ra sự bền vững trong việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên và giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu. Di sản văn hóa phi vật thể do đó có thể bảo vệ sự đa dạng sinh học và góp phần cho bền vững môi trường. Kiến thức truyền thống về thiên nhiên là nền tảng quan trọng cho cộng đồng dựa vào để phục hồi những thảm họa tự nhiên và biến đổi khí hậu.

Về phát triển kinh tế bao trùm, di sản văn hóa phi vật thể đem lại sinh kế bền vững của các nhóm và cộng đồng. Di sản văn hóa phi vật thể có thể sinh ra thu nhập và việc làm cho cộng đồng và các cá nhân, kể cả những người nghèo và yếu thế. Di sản văn hóa phi vật thể với tư cách là một di sản sống, cũng có thể đem lại lợi ích từ các hoạt động du lịch liên quan đến di sản.

Về hoà bình và an ninh, di sản văn hóa phi vật thể có thể giúp ngăn ngừa và giải quyết tranh chấp, khôi phục hòa bình và an ninh thông qua các quy ước luật tục về sự chung sống, mối quan hệ đồng bào gắn kết giữa các tộc người trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam (truyền thuyết vua Hùng, ca dao, tục ngữ: *Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy là khác giống nhưng chung một giàn*; hay: *Nhiều điều phải lấy giá gương, người trong một nước phải thương nhau cùng*).

Kể từ khi di sản văn hóa phi vật thể được điều chỉnh bằng Luật Di sản văn hóa đến nay, nhận thức của xã hội về di sản văn hóa phi vật thể ở nước ta ngày càng rõ nét hơn, nhiều khái niệm mới như: di sản văn hóa phi vật thể, báu vật nhân văn sống, tập quán xã hội, tri thức

dân gian, nghệ thuật trình diễn dân gian... được nhận thức đầy đủ hơn. Vai trò của cộng đồng, nghệ nhân trong thực hành, truyền dạy, giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể được ghi nhận, đề cao. Một số loại hình di sản văn hóa phi vật thể trước đây bị phê phán, lãng quên, nay đã được công nhận, khôi phục. Vai trò của di sản văn hóa phi vật thể trong đời sống xã hội ngày càng được nâng cao, đóng vai trò quan trọng trong quá trình giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và hòa nhập quốc tế.

Trong những năm qua tuy chúng ta đã đạt được một số thành tựu nêu trên, nhưng việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể ở nước ta cũng bộc lộ nhiều khó khăn, hạn chế, bất cập.

Việc khôi phục di sản văn hóa phi vật thể một cách thiếu hiểu biết, không nghiên cứu kỹ lưỡng, thiếu sự tham gia của cộng đồng, chạy theo phong trào, rập khuôn, thể tục hóa, thương mại hóa dẫn đến tình trạng nhiều di sản văn hóa bị sai lệch. Không ít lễ hội truyền thống bị biến đổi theo kịch bản mới, thời gian và không gian lễ hội thay đổi, người dân trong cộng đồng (cả người thực hành và người tham dự) từ vị thế chủ thể trong lễ hội trở thành khách thể, thực hiện lễ hội theo sự áp đặt của chính quyền khiến họ thờ ơ với lễ hội.

Một số ngành nghề thủ công truyền thống áp dụng tự động hóa trong sản xuất, du nhập các chất liệu/vật liệu mới, bỏ sung các mẫu mã mới theo xu hướng thị trường đã và đang làm biến đổi các giá trị văn hóa truyền thống. Không ít nghề đang dần bị mai một hoặc có nguy cơ bị biến mất do không đủ sức cạnh tranh với các sản phẩm sản xuất hàng loạt trong thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hàng ngoại nhập tràn lan. Thực tế cho thấy, các nghề thủ công truyền thống chưa được sự quan tâm, đầu tư đúng mức để bảo tồn, phát triển. Việc sản xuất còn mang tính tự phát, thiếu tính bền vững, quy mô sản xuất nhỏ lẻ, vốn ít, chủ yếu là quy mô hộ gia đình nên việc đầu tư, cải tiến

và áp dụng công nghệ còn hạn chế, chất lượng sản phẩm cũng như trình độ thẩm mỹ chưa cao, khả năng cạnh tranh thấp so với các mặt hàng khác, thị trường không ổn định.

Nghệ thuật trình diễn dân gian cũng chịu nhiều tác động tiêu cực, số người biết chế tác, biểu diễn các nhạc cụ dân gian ngày càng ít. Các liên hoan, hội diễn văn nghệ cũng bộc lộ những nhược điểm khi thu hút người dân luyện tập chủ yếu nhằm phục vụ mục đích biểu diễn khiến họ quên dần việc thực hành trong đời sống thường ngày. Nếu chỉ căn cứ vào những cuộc hội diễn nghệ thuật trình diễn dân gian được tổ chức thường xuyên từ cơ sở trở lên trong thời gian qua có thể nghĩ rằng nghệ thuật trình diễn dân gian đã hồi sinh. Nhưng đó là chỉ là bề nổi, điều đáng lo là nghệ thuật trình diễn dân gian đã và đang bị biến đổi, chuyển dần từ phục vụ đời sống trong cộng đồng sang phục vụ sinh hoạt văn hóa xã hội. Giờ đây các đội văn nghệ quần chúng ở cơ sở luyện tập biểu diễn theo hình thức sân khấu, theo chủ đề, ít dần tiết mục diễn xướng theo lối truyền thống (cũng bị sân khấu hóa ít nhiều). Hiện nay nghệ thuật trình diễn dân gian không còn được thực hành trong một không gian văn hóa mà người diễn, người xem đều là chủ thể, thưởng thức theo nhu cầu của chính cộng đồng như trước nữa. Các thực hành diễn xướng chỉ còn được thực hành trong các ngày lễ, ngày tết, hay phục vụ nhiệm vụ chính trị hoặc góp vui cho du khách trong và ngoài nước trong những không gian phi truyền thống.

Không ít nghệ nhân biết chế tác nhạc cụ dân tộc không còn say mê với công việc chế tác vì làm ra không có người sử dụng. Một số quay sang làm đồ lưu niệm bán cho du khách, những nhạc cụ này còn giữ được hình thức nhưng không đảm bảo về độ chuẩn của âm thanh. Một hiện tượng khác cũng làm cho việc chế tác nhạc cụ dân tộc sút giảm là lớp trẻ thờ ơ với nhạc cụ của dân tộc mình vì việc sử dụng không thuận lợi so với nhạc cụ hiện đại.

Theo luật tục, một số nhạc cụ dân tộc không được phép sử dụng một cách ngẫu hứng, không phù hợp để sử dụng trong cuộc sống hiện nay, đó cũng là nguyên nhân khiến nhạc cụ dân tộc ít dần.

Việc thực hành di sản cũng có nhiều biến đổi, theo truyền thống diễn xướng các làn điệu dân ca, thực hành các nghi lễ đòi hỏi có không gian phù hợp. Một số nghi lễ trong các lễ hội đã bị lược bỏ, di sản được thực hành ngoài thời gian và không gian truyền thống là những yếu tố làm cho tính cộng đồng của di sản văn hóa bị suy giảm mạnh, ảnh hưởng rất nhiều đến không gian thực hành di sản văn hóa phi vật thể.

Bên cạnh đó nhiều tập quán xã hội đã thay đổi, việc cưới xin, ma chay không còn kéo dài, nhiều nghi thức như trước. Sự du nhập văn hóa, tôn giáo mới (đạo Tin lành) đã tác động đến sự biến đổi của tập quán xã hội, một số vùng đồng bào (Mông) đã bỏ những sinh hoạt lễ hội, tập quán, tín ngưỡng truyền thống để tham gia các hoạt động tôn giáo mới.

Việc truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể ở nhiều nơi do đó cũng khá chật vật, lớp trẻ tiếp thu những sản phẩm văn hóa mới nên không hào hứng với văn hóa truyền thống, nhiều người bỏ làng quê ra thành phố kiếm sống, hoặc tham gia các hoạt động văn hóa mới, hiện đại du nhập từ bên ngoài sôi động, mạnh mẽ hơn. Cơ chế chính sách cho cộng đồng, nghệ nhân trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể còn chưa đáp ứng yêu cầu thực tế. Cơ sở vật chất cho việc truyền dạy còn nghèo nàn, nhiều không gian hoạt động nghệ thuật trình diễn dân gian bị xâm lấn, không có chỗ cho các hoạt động văn hóa truyền thống. Tập quán tín ngưỡng bị lợi dụng, xu thế thương mại hóa, sự biến đổi, sai lệch văn hóa truyền thống, người dân mất vai trò chủ thể dẫn đến sự thiếu hấp dẫn trong việc truyền dạy, thực hành di sản văn hóa phi vật thể.

Trong hai năm qua, ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 khiến du lịch đình trệ, các hoạt

động văn hóa phi vật thể cũng ảnh hưởng nghiêm trọng, sản phẩm thủ công truyền thống không tiêu thụ được, nghệ thuật trình diễn dân gian không có đất phát huy. Đại dịch đã khiến cho các không gian công cộng bị phong tỏa, trường học đóng cửa, các cuộc tập trung đông người bị hủy, các dịch vụ kinh doanh tạm thời bị đóng cửa khiến nhiều người mất việc làm. Trong bối cảnh đó di sản văn hóa phi vật thể cũng thiệt hại nặng nề, nhiều lễ hội truyền thống, nghệ thuật trình diễn dân gian bị hủy bỏ hoặc trì hoãn, nghề thủ công truyền thống bị đình trệ, việc trưng bày giới thiệu sản phẩm gặp nhiều khó khăn, nhiều thị trường bị đóng cửa, sản phẩm tiêu thụ nhỏ giọt, hoặc không tiêu thụ được. Lễ hội, nghệ thuật trình diễn dân gian đình trệ khiến nhu cầu về nhạc cụ, trang phục phục vụ lễ hội, thực hành trình diễn giảm sút. Các sinh hoạt trực tuyến (online), giới thiệu, quảng bá di sản văn hóa phi vật thể trên nền tảng kỹ thuật số phát triển. Tình trạng đó khiến những người nắm giữ và thực hành di sản văn hóa phi vật thể không có thu nhập, tác động mạnh đến cuộc sống của cộng đồng và từng cá nhân, đe dọa sự tồn tại của di sản văn hóa phi vật thể. Việc đào tạo chuyên gia kỹ năng cho thế hệ tương lai do đó cũng bị ảnh hưởng nặng nề, gây khó khăn cho sự sống còn của di sản.

Không chỉ có dịch bệnh hoành hành, những năm qua thiên tai (lũ lụt, hạn hán) đã tàn phá khá nhiều địa phương, đồng bào trong vùng bị thiên tai gặp rất nhiều khó khăn trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản phi vật thể do thiếu thốn về cơ sở vật chất, phương tiện và sự bất ổn trong cuộc sống.

Như vậy song song với những việc đã làm được, trong thời gian tới chúng ta vẫn còn phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể. Dịch bệnh có thể vẫn kéo dài, thiên tai vẫn sẽ xảy ra thường niên. Để nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ và phát

huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, bên cạnh những chính sách linh hoạt để hạn chế tác động của dịch bệnh và thiên tai, chúng ta cần rút ra những bài học kinh nghiệm từ những việc đã làm được và chưa làm được thời gian qua để đề ra những biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể phù hợp hơn, thích ứng với từng hoàn cảnh cụ thể. Có thể coi những việc đã làm thời gian qua là tiền đề để chúng ta bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể trong những năm tới.

Để bảo vệ tốt di sản văn hóa phi vật thể, cần quán triệt đầy đủ, sâu sắc điều 3 của Công ước 2003: "Bảo vệ" là các biện pháp có mục tiêu đảm bảo khả năng tồn tại của di sản văn hóa phi vật thể, bao gồm việc nhận diện, tư liệu hóa, nghiên cứu, bảo tồn, bảo vệ, phát huy, củng cố, chuyển giao, đặc biệt là thông qua hình thức giáo dục chính thức hoặc phi chính thức cũng như việc phục hồi các phương diện khác nhau của loại hình di sản này. Theo đó muốn làm tốt công tác bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể trước hết cần nâng cao nhận thức cho mọi người trong cộng đồng, xã hội về di sản văn hóa phi vật thể, nhận thức tầm quan trọng của di sản văn hóa phi vật thể như là động lực chính của đa dạng văn hóa và là một yếu tố đảm bảo cho sự phát triển bền vững. Nhận thức về vai trò tối quan trọng của di sản văn hóa phi vật thể là yếu tố đưa nhân loại xích lại gần nhau hơn và đảm bảo sự giao lưu và hiểu biết lẫn nhau giữa mọi người. Xác định rõ các cộng đồng, các nhóm người và các cá nhân thuộc các tộc người đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc tạo ra, bảo vệ, duy trì và tái sinh di sản văn hóa phi vật thể, từ đó làm giàu thêm sự đa dạng văn hóa và tính sáng tạo của con người. Có nhận thức đúng mới có những quyết sách, hành động đúng đắn đảm bảo sự tôn trọng đối với di sản văn hóa phi vật thể của các cộng đồng, các nhóm người và các cá nhân có liên quan, vì vậy cần:

Rà soát, sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ và phát huy giá

trị di sản văn hóa phi vật thể, xây dựng cơ chế chính sách phù hợp, đồng bộ nhằm tạo điều kiện, thu hút, khuyến khích cộng đồng, xã hội chăm lo cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

Có chính sách chăm lo đội ngũ nghệ nhân, cần sơ kết đánh giá cách ứng xử đối với nghệ nhân trong thời gian qua, phát hiện những bất cập để khắc phục đồng thời nhận diện những mô hình hay, phù hợp được cộng đồng ủng hộ để triển khai rộng rãi. Nên làm rõ việc xét tặng các danh hiệu cao quý cho nghệ nhân nắm giữ, thực hành, trao truyền di sản văn hóa phi vật thể là nhằm khuyến khích, động viên các nghệ nhân và cộng đồng mà họ là thành viên, tạo không khí phấn khởi, sự hào hứng cho nghệ nhân, tăng cường sự đoàn kết cộng đồng trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể. Việc xét tặng phải được làm công khai, minh bạch, bảo đảm các tiêu chuẩn, những người được đề cử phải được cộng đồng công nhận, tôn vinh, là những nghệ nhân bậc thầy thực sự, hết sức tránh để xảy ra tình trạng ganh ghét, đố kỵ, tẩy chay đối với những người được xét tặng danh hiệu và cộng đồng có người được xét tặng, làm giảm hiệu quả của việc phong tặng.

Nhà nước, cộng đồng chăm lo việc truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể chính thức và phi chính thức, tạo điều kiện về cơ sở vật chất, không gian, thời gian, phương tiện (nhạc cụ, trang phục...) cho việc truyền dạy trong cộng đồng, nhóm. Đưa di sản văn hóa phi vật thể vào dạy trong các cơ sở giáo dục tại các địa phương có di sản văn hóa phi vật thể (trước hết là những di sản văn hóa phi vật thể đã được ghi vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia).

Giảm sự can thiệp thiếu hiểu biết của chính quyền vào việc khôi phục di sản văn hóa phi vật thể và các hoạt động lễ hội truyền thống, nghệ thuật trình diễn dân gian, tập quán xã hội và tín ngưỡng. Chính quyền tạo điều kiện để cộng đồng, nghệ nhân phát huy vai trò trong việc

phục hồi, thực hành, truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể theo đúng truyền thống vốn có.

Bảo vệ các không gian sinh hoạt văn hóa truyền thống, lễ hội truyền thống, nghệ thuật trình diễn dân gian, nơi hoạt động của các tập quán, tín ngưỡng, các làng nghề thủ công truyền thống v.v... Tạo điều kiện để xây dựng các không gian văn hóa sáng tạo tại những nơi này, khích lệ sự chủ động, sáng tạo của cộng đồng, nghệ nhân trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể.

Xây dựng môi trường văn hóa tại các không gian thực hành di sản văn hóa phi vật thể. Môi trường văn hóa của các không gian thực hành di sản văn hóa phi vật thể hình thành từ xa xưa, rất phong phú, đa dạng, có nhiều quy mô lớn nhỏ, phân bố trên các địa bàn, không gian khác nhau, từ đồi núi, đồng bằng, nông thôn đến đô thị. Các không gian đó được các bậc tiền nhân lựa chọn từ lâu đời, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa của cộng đồng, ở đó diễn ra nhiều hoạt động văn hóa cuốn hút sự tham gia của người dân sở tại và khách thập phương. Trong thời gian gần đây các môi trường văn hóa chịu tác động mạnh mẽ của cơ chế thị trường và toàn cầu hóa nên đã có những biến đổi, một số hiện tượng phi văn hóa, phản cảm nổi lên. Vì vậy cần có những giải pháp phù hợp để xây dựng môi trường văn hóa tại các không gian thực hành di sản văn hóa phi vật thể lành mạnh hơn, nhất là tại các không gian lễ hội và làng nghề thủ công truyền thống.

Tiếp tục phát triển các hình thức câu lạc bộ, đội văn nghệ tại cơ sở, mở các liên hoan, hội thi, hội diễn giữa các câu lạc bộ, địa phương huyện, tỉnh, khu vực và cả nước. Tuy nhiên cần chú ý bảo tồn các yếu tố truyền thống, tạo điều kiện để cộng đồng (các câu lạc bộ nghệ thuật dân gian) thực hiện các sinh hoạt văn hóa theo truyền thống tại địa phương, phục vụ cộng đồng chứ không chỉ để tham gia các cuộc liên hoan, hội thi, hội diễn.

Đẩy mạnh bảo tồn nghề thủ công truyền thống, cần xác định nghề truyền thống là một kho tàng văn hóa dân gian quý giá của các dân tộc, cần được quan tâm bảo vệ gìn giữ. Những năm qua, nhà nước đã có cơ chế, chính sách nhằm bảo tồn, phát triển nghề, làng nghề truyền thống nên nhìn chung một số nghề, làng nghề truyền thống đã được bảo tồn, phát triển dưới dạng tổ hợp tác, nhóm hộ và hộ gia đình. Nhà nước cần tiếp tục có cơ chế, chính sách hỗ trợ các làng nghề trong việc sản xuất các sản phẩm truyền thống, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm ổn định. Hỗ trợ cho những nghề đặc biệt có nguy cơ biến mất như chế tác nhạc cụ dân tộc truyền thống v.v... tạo cơ chế để nghề thủ công truyền thống phát huy vai trò nhiều hơn vào chuỗi phát triển công nghiệp văn hóa của đất nước.

Phát huy tiềm năng của di sản văn hóa phi vật thể trong quá trình xây dựng công nghiệp văn hóa/sáng tạo và văn hóa sáng tạo. Nghiên cứu chuyển tải đầy đủ hơn những thông điệp của di sản văn hóa phi vật thể vào chương trình phát triển bền vững nhằm bảo vệ tốt môi trường, phát triển kinh tế bao trùm và xã hội bao trùm, góp phần bảo vệ hòa bình và an ninh của đất nước.

Tiếp tục thực hiện kiểm kê tại các địa phương và lập hồ sơ đề nghị đưa di sản văn hóa phi vật thể vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, lựa chọn những di sản tiêu biểu lập hồ sơ trình UNESCO đưa vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, đẩy mạnh số hóa và lập cơ sở dữ liệu số các loại hình di sản văn hóa phi vật thể, giới thiệu di sản văn hóa phi vật thể trên không gian mạng, tạo nền tảng dữ liệu để hình thành di sản số về di sản văn hóa phi vật thể.

Tóm lại trong hai thập kỷ qua nước ta đã có nhiều thành quả trong hoạt động bảo vệ và

huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể, tuy nhiên cũng còn không ít hạn chế, khó khăn cần phải vượt qua để di sản văn hóa phi vật thể tồn tại lâu dài, thể hiện một phần giá trị bản sắc dân tộc đóng góp vào sự đa dạng biểu đạt văn hóa của nhân loại./.

N.Q.H

1. Nguyễn Duy Thịnh, *Văn hóa Kánh Loóng của người Thái ở huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình*, Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, 2018.

2. UNESCO (2003, 2005), *The Proclamation of Masterpieces of the Oral and Intangible Heritage of Humanity* (Tuyên bố các kiệt tác di sản văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại).

#### Tài liệu tham khảo khác

1. UNESCO (2003), *The Convention for the Safeguarding of the Intangible Cultural Heritage* (Công ước bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể).

2. UNESCO (2015), *Intangible Cultural Heritage and Sustainable Development* (Di sản văn hóa phi vật thể và phát triển bền vững).

3. UNESCO (2015), *Intangible Cultural Heritage and Gender* (Di sản văn hóa phi vật thể và giới).

4. UNESCO (2019), *Intangible Cultural Heritage and Education* (Di sản văn hóa phi vật thể và giáo dục).

5. UNESCO (2019), *Intangible Cultural Heritage and Indigenous Peoples* (Di sản văn hóa phi vật thể và các dân tộc bản địa).

6. Quốc Hội (2001, 2009), Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.

7. Chính phủ (2010), Nghị định số 98/NĐ-CP ngày 21/9/2010 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.

8. Dương Tuấn Nghĩa (2017), *Tri thức dân gian trong khai thác và bảo vệ rừng của người Hà Nhì Đen ở huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai*, Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

9. Lê Thị Thu Phượng (2017), *Bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa tộc người trong mối quan hệ với phát triển du lịch (nghiên cứu trường hợp người Dao quần trắng, thôn Tu Ngòi, xã Vũ Linh, huyện Yên Bình, Yên Bái)*. Luận án Tiến sĩ Văn hóa học, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam.

10. Nguyễn Quốc Anh (2018), *Quản lý lễ hội truyền thống ở huyện Sốp Cộp, tỉnh Sơn La*. Luận văn Thạc sĩ Quản lý văn hóa, trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

#### **Nguyễn Quốc Hùng: Two decades of protecting and promoting the values of intangible cultural heritage in Viet Nam**

It has been two decades since the Law on Cultural Heritage came into effect, the introduction of the Law on Cultural Heritage is an important milestone in the cause of protecting and promoting intangible cultural heritage in our country. For the first time, intangible cultural heritage has been identified and protected by a legal document. The Law on Cultural Heritage reserved a chapter governing intangible cultural heritage, which placed intangible cultural heritage on a par with tangible cultural heritage (e.g. historical cultural relics and scenic spots) which is unprecedented. Since then, protection and promotion of the values of intangible cultural heritage have gained achievements in raising awareness and practice which are inventories of heritage, inscription of heritages in the List of National Intangible Cultural Heritage, on the Representative List of Intangible Cultural Heritage of Humanity, awarding noble titles thousands of artisans, and restoration of numerous heritages. However, there are still many problems to be solved to protect and promote more effectively intangible cultural heritage in our country in the coming time.

**Keywords:** Intangible cultural heritage, protect and promote the values of intangible cultural heritage, practicing and training intangible cultural heritage.